

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025001	BÙI KHÁNH THANH	AN	Nữ	24/07/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		8.25	10.0	9.00	44.50	
2	025002	ĐÀO KHÁNH	AN	Nữ	26/03/2008	THCS Giảng Võ		8.25	9.25	8.50	42.75	
3	025003	ĐẶNG THU	AN	Nữ	21/10/2008	THCS Nghĩa Tân		7.75	8.50	9.00	42.00	
4	025004	LÊ BẢO	AN	Nữ	21/09/2008	THCS Trung Hòa		8.00	10.0	9.00	44.00	
5	025005	NGUYỄN DỊCH	AN	Nam	03/01/2008	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội		8.00	8.75	8.50	41.75	
6	025006	NGUYỄN ĐỖ THU	AN	Nữ	02/10/2008	THCS Trung Hòa		7.75	10.0	8.75	43.00	
7	025007	NGUYỄN HÀ	AN	Nữ	19/12/2008	THCS Yên Hòa		8.25	9.75	8.75	43.75	
8	025008	NGUYỄN HÀ	AN	Nam	11/09/2008	THCS Mỹ Đình 1		7.75	9.50	9.00	43.00	
9	025009	NGUYỄN KHÁNH	AN	Nam	20/08/2008	THCS Chu Văn An		7.75	9.50	9.00	43.00	
10	025010	NGUYỄN NGỌC BẢO	AN	Nữ	15/01/2008	THCS Phan Chu Trinh		8.50	9.75	9.00	44.75	
11	025011	NGUYỄN QUỐC	AN	Nam	22/09/2008	THCS Yên Hòa		8.25	9.50	9.00	44.00	
12	025012	NGUYỄN THU	AN	Nữ	25/05/2008	THCS Dịch Vọng		8.00	9.25	9.00	43.25	
13	025013	VŨ THÁI	AN	Nam	19/11/2008	THCS và THPT Nguyễn Siêu		6.00	5.25	6.25	29.75	
14	025014	CAO HOÀNG DUY	ANH	Nam	25/02/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		7.50	9.25	9.00	42.25	
15	025015	DOÃN MINH	ANH	Nữ	28/09/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		8.25	8.75	8.00	41.25	
16	025016	ĐÀO TRỌNG QUANG	ANH	Nam	07/10/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		4.50	8.00	8.00	33.00	
17	025017	ĐÀO VIỆT	ANH	Nam	05/08/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.75	10.0	9.50	44.50	
18	025018	ĐÌNH CHÂU	ANH	Nữ	25/10/2008	THCS Mai Dịch		8.25	10.0	9.00	44.50	
19	025019	ĐỖ MAI	ANH	Nữ	01/12/2008	THCS Dịch Vọng Hậu	0.5	8.50	9.25	9.00	44.75	
20	025020	GIÁP QUỲNH	ANH	Nữ	10/08/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		7.50	7.25	8.25	38.75	
21	025021	HÀN ĐỖ KỶ	ANH	Nữ	07/12/2008	THCS Yên Hòa		7.50	9.50	7.75	40.00	
22	025022	HOÀNG LÊ	ANH	Nam	24/10/2008	THCS và THPT Lê Quý Đôn	0.5	8.00	9.00	8.75	43.00	
23	025023	HỨA TRẦN HỒNG	ANH	Nữ	26/03/2008	THCS Lê Quý Đôn		8.00	9.75	9.00	43.75	
24	025024	KIỀU NGUYỄN CHÂU	ANH	Nữ	10/10/2008	THCS Giảng Võ		8.50	8.50	8.75	43.00	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRẦN THẾ CƯƠNG

BẢNG GHI ĐIỂM

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐUỠ	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025025	LAI NGUYỄN HẢI	ANH	Nữ	11/09/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		6.25	8.75	6.25	33.75	
2	025026	LÊ	ANH	Nam	14/01/2008	THCS Nghĩa Tân		KT	KT	KT		
3	025027	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	ANH	Nữ	10/01/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		8.25	9.50	9.75	45.50	
4	025028	LÊ HUY DIỆU	ANH	Nữ	10/11/2008	THCS Mai Dịch		8.75	8.50	9.00	44.00	
5	025029	LÊ MAI	ANH	Nữ	05/01/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		8.25	9.50	9.00	44.00	
6	025030	LÊ MINH	ANH	Nữ	07/01/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.75	9.25	9.00	42.75	
7	025031	LÊ NGUYỄN CHÂU	ANH	Nữ	30/10/2008	THCS và THPT Marie Curie		8.50	9.50	8.75	44.00	
8	025032	LÊ NGUYỄN KIẾT	ANH	Nam	22/12/2008	THCS-THPT Newton		7.50	9.00	8.50	41.00	
9	025033	LÊ QUỲNH	ANH	Nữ	25/07/2008	THCS Trương Công Giai		8.25	9.00	8.75	43.00	
10	025034	LÊ TƯỜNG	ANH	Nữ	02/04/2008	THCS Nguyễn Trường Tộ	0.5	7.75	7.75	9.00	41.75	
11	025035	LÊ VŨ	ANH	Nam	22/01/2008	THCS Nam Trung Yên		7.00	9.50	8.75	41.00	
12	025036	LÝ TRẦN GIA	ANH	Nam	06/03/2008	THCS Archimedes Academy		6.75	9.50	9.00	41.00	
13	025037	NGÔ CAO PHƯƠNG	ANH	Nữ	27/08/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.75	9.00	8.75	42.00	
14	025038	NGUYỄN BẢO	ANH	Nữ	04/11/2008	TH và THCS FPT Cầu Giấy		7.50	8.75	8.25	40.25	
15	025039	NGUYỄN DIỆP	ANH	Nữ	15/11/2008	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD		8.25	9.50	9.00	44.00	
16	025040	NGUYỄN DIỆU MINH	ANH	Nữ	01/11/2008	THCS Yên Hòa		8.00	9.50	9.00	43.50	
17	025041	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	ANH	Nam	19/07/2008	THCS Yên Hòa		8.00	9.50	9.00	43.50	
18	025042	NGUYỄN ĐỨC	ANH	Nam	26/10/2008	THCS Mai Dịch		7.75	9.75	9.75	44.75	
19	025043	NGUYỄN ĐỨC	ANH	Nam	09/11/2008	THCS Nam Trung Yên		6.75	7.75	5.50	32.25	
20	025044	NGUYỄN HÀ	ANH	Nữ	29/06/2008	THCS Nam Trung Yên		8.00	9.25	9.00	43.25	
21	025045	NGUYỄN HÀ MINH	ANH	Nữ	12/11/2008	THCS Nam Trung Yên		8.00	9.25	8.75	42.75	
22	025046	NGUYỄN HẢI	ANH	Nam	29/03/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		7.25	8.00	8.75	40.00	
23	025047	NGUYỄN HOÀI HUỆ	ANH	Nữ	05/07/2008	THCS Nghĩa Tân		7.75	9.75	9.00	43.25	
24	025048	NGUYỄN HOÀNG	ANH	Nam	07/04/2008	THCS Dịch Vọng		8.00	9.75	9.00	43.75	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG
Trần Thế Cường

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐUẤT	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025049	NGUYỄN HỒNG	ANH	Nữ	16/09/2008	THCS và THPT Marie Curie		KT	KT	KT		
2	025050	NGUYỄN HUY	ANH	Nam	23/11/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		6.50	9.50	9.00	40.50	
3	025051	NGUYỄN KHẮC HỒNG	ANH	Nam	17/04/2008	THCS Mỹ Tri		7.50	8.75	9.50	42.75	
4	025052	NGUYỄN KIỀU	ANH	Nữ	08/04/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.00	8.50	9.00	42.50	
5	025053	NGUYỄN MINH	ANH	Nữ	23/08/2008	THCS Yên Hòa		8.25	9.75	9.00	44.25	
6	025054	NGUYỄN MINH	ANH	Nữ	18/01/2008	THCS Ngoại ngữ		7.00	8.75	7.75	38.25	
7	025055	NGUYỄN NGÂN	ANH	Nữ	19/05/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		7.50	9.75	9.00	42.75	
8	025056	NGUYỄN NGỌC	ANH	Nữ	14/02/2008	THCS Nam Trung Yên		7.50	9.50	9.00	42.50	
9	025057	NGUYỄN NGỌC	ANH	Nữ	12/02/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.00	9.00	8.50	40.00	
10	025058	NGUYỄN NGỌC	ANH	Nữ	31/03/2008	THCS Yên Hòa		7.50	9.00	9.00	42.00	
11	025059	NGUYỄN NGỌC TRÚC	ANH	Nữ	29/06/2008	THCS Giảng Võ		7.75	9.25	9.00	42.75	
12	025060	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	Nữ	22/04/2008	THCS Yên Hòa		8.25	9.00	9.00	43.50	
13	025061	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	Nữ	09/09/2008	THCS Yên Hòa		8.50	9.50	8.50	43.50	
14	025062	NGUYỄN QUỲNH	ANH	Nữ	30/01/2008	THCS-THPT Newton		7.25	8.50	8.50	40.00	
15	025063	NGUYỄN THIÊN	ANH	Nam	11/02/2008	THCS Nghĩa Tân		7.00	10.0	9.00	42.00	
16	025064	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	Nữ	27/01/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.33	9.75	8.75	41.91	
17	025065	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	Nữ	25/08/2008	THCS Nghĩa Tân		8.25	9.75	8.50	43.25	
18	025066	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	Nữ	10/06/2008	THCS Dịch Vọng		8.25	9.75	9.00	44.25	
19	025067	NGUYỄN THÙY	ANH	Nữ	19/07/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.50	9.75	7.25	41.25	
20	025068	NGUYỄN THỰC	ANH	Nữ	29/08/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.50	9.50	8.75	42.00	
21	025069	NGUYỄN TƯỜNG	ANH	Nữ	23/03/2008	THCS Lê Quý Đôn		8.25	9.50	9.50	45.00	
22	025070	PHẠM NAM	ANH	Nam	17/03/2008	THCS Láng Thượng		8.25	7.75	9.00	42.25	
23	025071	PHẠM NGỌC	ANH	Nữ	16/10/2008	THCS Dịch Vọng		8.50	9.50	9.00	44.50	
24	025072	PHẠM QUỲNH	ANH	Nữ	19/04/2008	THCS Nam Trung Yên		8.25	9.00	8.25	42.00	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HÀ NỘI

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025073	PHẠM QUỲNH	ANH	Nữ	06/10/2008	THCS Nghĩa Tân		8.50	10.0	9.00	45.00	
2	025074	PHẠM QUỲNH	ANH	Nữ	16/11/2008	THCS Nghĩa Tân		8.00	9.25	9.00	43.25	
3	025075	PHẠM QUỲNH	ANH	Nữ	17/01/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		8.00	7.75	8.50	40.75	
4	025076	PHẠM TÚ	ANH	Nữ	23/09/2008	THCS Mỹ Đình 2		8.50	10.0	9.50	46.00	
5	025077	PHẠM TÙNG	ANH	Nam	23/07/2008	THCS Yên Hòa		8.25	9.00	8.50	42.50	
6	025078	TẠ NHƯ	ANH	Nữ	16/09/2008	THCS Nghĩa Tân		7.75	9.75	9.00	43.25	
7	025079	TRẦN HẢI	ANH	Nữ	21/03/2008	THCS Nghĩa Tân		9.00	9.75	9.00	45.75	
8	025080	TRẦN KIỀU	ANH	Nữ	25/04/2008	THCS Phú Diễn		8.50	9.00	9.00	44.00	
9	025081	TRẦN QUỲNH	ANH	Nữ	15/12/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		6.75	10.0	9.00	41.50	
10	025082	TRẦN THỊ MAI	ANH	Nữ	08/07/2008	THCS Archimedes Academy		7.50	10.0	9.50	44.00	
11	025083	TRƯƠNG NGỌC MINH	ANH	Nữ	18/11/2008	THCS Yên Hòa		8.75	9.00	9.00	44.50	
12	025084	VŨ BẢO	ANH	Nữ	26/01/2008	THCS Đô Thị Việt Hưng		7.50	9.75	9.00	42.75	
13	025085	VŨ CAO	ANH	Nam	07/09/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		6.00	9.50	6.75	35.00	
14	025086	VŨ NGỌC CHÂU	ANH	Nữ	31/01/2008	THCS Yên Hòa		8.00	9.00	8.50	42.00	
15	025087	VŨ NGỌC MAI	ANH	Nữ	09/12/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		7.50	10.0	7.75	40.50	
16	025088	VŨ THỊ HỒNG	ANH	Nữ	29/01/2008	THCS và THPT Marie Curie		6.75	8.50	7.75	37.50	
17	025089	HÀ VIỆT	BÁCH	Nam	15/02/2008	THCS Giảng Võ		6.50	9.50	8.50	39.50	
18	025090	NGUYỄN CHỈ	BÁCH	Nam	01/08/2008	THCS Archimedes Academy		7.75	9.00	9.00	42.50	
19	025091	NGUYỄN HỮU GIA	BÁCH	Nam	19/09/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.75	10.0	9.50	46.50	
20	025092	NGUYỄN VIỆT	BÁCH	Nam	07/06/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh	0.5	7.75	9.75	8.25	42.25	
21	025093	TRẦN HÀ	BÁCH	Nam	15/11/2008	THCS-THPT Newton		KT	KT	KT		
22	025094	TRẦN XUÂN	BÁCH	Nam	29/03/2008	THCS Yên Hòa		7.50	8.75	9.00	41.75	
23	025095	TRƯƠNG VIỆT	BÁCH	Nam	27/01/2008	THCS Nghĩa Tân		8.00	9.75	9.00	43.75	
24	025096	ĐÀO MINH	BẢO	Nam	28/07/2008	THCS Phan Chu Trinh		7.50	9.50	9.00	42.50	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trần Thế Cường

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐUẤT	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025097	NGUYỄN GIA	BẢO	Nam	23/09/2008	THCS Nghĩa Tân		7.00	10.0	8.50	41.00	
2	025098	PHẠM GIA	BẢO	Nữ	10/10/2008	THCS Yên Hòa		8.00	9.50	9.00	43.50	
3	025099	VŨ GIA	BẢO	Nam	11/09/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		KT	KT	KT		
4	025100	BÙI BĂNG	BĂNG	Nữ	16/12/2008	THCS Mai Dịch		7.75	9.75	8.50	42.25	
5	025101	HÀ NGUYỄN AN	BÌNH	Nữ	02/12/2008	THCS Dịch Vọng		8.25	8.75	9.75	44.75	
6	025102	LÊ QUỲNH	CHÂU	Nữ	22/02/2008	THCS Lê Quý Đôn		8.25	10.0	8.75	44.00	
7	025103	NGUYỄN MINH	CHÂU	Nữ	26/09/2008	THCS Yên Hòa		8.00	8.50	9.00	42.50	
8	025104	NGUYỄN THÀNH	CHÂU	Nam	12/12/2008	THCS và THPT Marie Curie		8.00	8.75	6.50	37.75	
9	025105	PHẠM MINH	CHÂU	Nữ	15/08/2008	THCS Yên Hòa		8.00	8.75	7.00	38.75	
10	025106	TRẦN NGUYỄN MINH	CHÂU	Nữ	25/11/2008	THCS Nam Trung Yên		8.25	10.0	8.50	43.50	
11	025107	BÙI QUỲNH	CHI	Nữ	22/05/2008	THCS Giảng Võ		8.75	9.50	8.75	44.50	
12	025108	DƯƠNG NGUYỄN HÀ	CHI	Nữ	10/01/2008	THCS Mai Dịch		8.00	8.50	8.50	41.50	
13	025109	ĐỖ PHẠM THỦY	CHI	Nữ	16/07/2008	THCS Nghĩa Tân		8.50	10.0	8.75	44.50	
14	025110	HÀ THỦY	CHI	Nữ	01/01/2008	THCS Yên Hòa		8.00	9.75	9.00	43.75	
15	025111	LÊ NHÃ	CHI	Nữ	03/10/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.00	9.00	9.00	43.00	
16	025112	NGUYỄN DIỆP	CHI	Nữ	29/02/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		7.00	8.50	8.25	39.00	
17	025113	NGUYỄN DIỆP	CHI	Nữ	01/02/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		8.00	6.25	8.50	39.25	
18	025114	NGUYỄN HOÀNG LINH	CHI	Nữ	01/07/2008	THCS Archimedes Academy		8.50	9.50	8.75	44.00	
19	025115	NGUYỄN KHÁNH	CHI	Nữ	28/12/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		7.75	9.25	7.25	39.25	
20	025116	NGUYỄN KHÁNH	CHI	Nữ	24/09/2008	THCS và THPT Marie Curie-Hà Đông		7.50	7.25	5.50	33.25	
21	025117	NGUYỄN PHƯƠNG	CHI	Nữ	07/12/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		8.50	9.75	8.75	44.25	
22	025118	NGUYỄN QUỲNH	CHI	Nữ	20/03/2008	THCS Trung Hòa		8.25	9.75	8.75	43.75	
23	025119	NGUYỄN QUỲNH	CHI	Nữ	08/12/2008	THCS Lê Quý Đôn		7.25	9.75	8.00	40.25	
24	025120	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHI	Nữ	22/02/2008	TH, THCS và THPT Everest		7.75	9.75	9.00	43.25	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HÀ NỘI

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐUẤT	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025121	NGUYỄN TÙNG	CHI	Nữ	03/02/2008	THCS Nam Trung Yên		8.00	9.50	8.50	42.50	
2	025122	NGUYỄN YẾN	CHI	Nữ	12/07/2008	THCS Yên Hòa		7.25	9.25	8.50	40.75	
3	025123	PHẠM MAI	CHI	Nữ	10/12/2008	THCS và THPT Marie Curie		6.75	9.00	7.75	38.00	
4	025124	TẠ HỒNG HÀ	CHI	Nữ	07/05/2008	THCS Mễ Trì		6.25	9.50	8.25	38.50	
5	025125	TRẦN THỊ KIM	CHI	Nữ	20/03/2008	THCS Yên Hòa		8.00	9.75	8.50	42.75	
6	025126	TRẦN THỊ THẢO	CHI	Nữ	18/10/2008	TH và THCS FPT Cầu Giấy		KT	KT	KT		
7	025127	NGUYỄN DUY	CHƯƠNG	Nam	20/08/2008	THCS Nam Trung Yên		7.25	7.00	9.25	40.00	
8	025128	NGUYỄN DUY	CÔNG	Nam	28/01/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.50	9.50	8.75	44.00	
9	025129	CAO VIỆT	CƯỜNG	Nam	01/12/2008	THCS Thành Công		8.50	10.0	8.50	44.00	
10	025130	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	Nam	25/10/2008	THCS Nguyễn Du		7.75	8.50	9.75	43.50	
11	025131	NGUYỄN MINH	CƯỜNG	Nam	15/03/2008	THCS Alpha	0.5	8.00	9.75	9.00	44.25	
12	025132	LÊ NGỌC	DIỆP	Nữ	13/11/2008	THCS Vinschool Metropolis		6.75	7.25	6.25	33.25	
13	025133	NGUYỄN KHÁNH	DIỆP	Nữ	10/11/2008	THCS Yên Hòa		8.50	10.0	9.00	45.00	
14	025134	TRẦN NGỌC	DIỆP	Nữ	21/05/2008	THCS Việt Nam-Angiêri		8.50	9.75	8.75	44.25	
15	025135	NGUYỄN PHƯƠNG	DUNG	Nữ	05/07/2008	THCS Archimedes Academy		8.25	10.0	9.25	45.00	
16	025136	HỨA ANH	DUY	Nam	11/10/2008	THCS Phan Chu Trinh		8.25	8.50	8.00	41.00	
17	025137	LÊ KHÁNH	DUY	Nam	10/07/2008	THCS Yên Hòa		8.50	8.75	9.00	43.75	
18	025138	ĐÀO LÂM	DỪNG	Nam	21/07/2008	THCS Archimedes Academy		7.25	10.0	9.00	42.50	
19	025139	LÊ TUẤN	DỪNG	Nam	06/08/2008	THCS Nguyễn Trãi		7.50	9.75	9.00	42.75	
20	025140	LÝ NGỌC	DỪNG	Nam	01/05/2008	THCS Nam Từ Liêm		8.50	9.25	8.75	43.75	
21	025141	NGÔ QUANG	DỪNG	Nam	28/01/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		8.00	8.50	8.25	41.00	
22	025142	NGUYỄN QUANG	DỪNG	Nam	27/04/2008	THCS Trung Hòa		7.50	8.75	9.25	42.25	
23	025143	NGUYỄN QUANG	DỪNG	Nam	17/08/2008	THCS Yên Hòa		8.25	8.75	8.75	42.75	
24	025144	NGUYỄN THÁI	DỪNG	Nam	25/12/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.00	10.0	8.25	40.50	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trần Thế Cường

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH 10 THPT

Khóa thi ngày: 10/6/2023

BẢNG GHI ĐIỂM

Phòng: 7

Từ SBD: 025145

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Đến SBD: 025168

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐUỠ	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025145	NGUYỄN THẾ DŨNG	Nam	29/08/2008	THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm-Cầu Giấy			7.00	9.50	7.75	39.00	
2	025146	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	03/09/2008	THCS Mai Dịch			8.75	10.0	9.00	45.50	
3	025147	NGUYỄN TRUNG DŨNG	Nam	28/11/2008	TH và THCS Olympia			5.75	7.75	6.75	32.75	
4	025148	PHẠM LÊ DŨNG	Nam	06/03/2008	THCS Mai Dịch			8.75	10.0	9.00	45.50	
5	025149	TRẦN MINH DŨNG	Nam	31/12/2008	THCS Yên Hòa			8.25	9.25	9.00	43.75	
6	025150	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	Nữ	24/03/2008	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội			9.00	10.0	9.00	46.00	
7	025151	NGUYỄN BUI MINH DƯƠNG	Nam	28/01/2008	THCS Nguyễn Trường Tộ			7.75	8.50	9.00	42.00	
8	025152	NGUYỄN THANH DƯƠNG	Nữ	01/04/2008	THCS Dịch Vọng			8.75	9.25	8.50	43.75	
9	025153	QUẦN ĐÌNH DƯƠNG	Nam	18/08/2008	THCS Yên Hòa			8.25	8.25	9.00	42.75	
10	025154	TRẦN QUANG DƯƠNG	Nam	23/07/2008	THCS Đoàn Thị Điểm			7.75	9.75	8.50	42.25	
11	025155	TRỊNH KHÁNH DƯƠNG	Nam	11/09/2008	THCS và THPT Marie Curie			7.00	9.00	6.75	36.50	
12	025156	VŨ THÙY DƯƠNG	Nữ	17/02/2008	THCS Yên Hòa			8.25	9.75	9.00	44.25	
13	025157	LÊ YẾN ĐAN	Nữ	21/12/2008	THCS Nghĩa Tân	0.5		8.25	8.75	9.00	43.75	
14	025158	NGUYỄN LINH ĐAN	Nữ	18/08/2008	THCS Dịch Vọng Hậu			8.50	10.0	8.50	44.00	
15	025159	PHAN NHỎ THỂ ĐAN	Nam	20/03/2008	THCS Dịch Vọng Hậu			7.75	8.50	9.75	43.50	
16	025160	ĐẶNG TRẦN THÀNH ĐẠT	Nam	24/06/2008	THCS Dịch Vọng Hậu			7.25	9.75	8.50	41.25	
17	025161	ĐỖ THÀNH ĐẠT	Nam	10/11/2008	THCS Dịch Vọng Hậu			8.00	9.75	10.00	45.75	
18	025162	NGUYỄN THẮNH ĐẠT	Nam	18/02/2008	THCS Dịch Vọng Hậu			8.25	9.25	8.50	42.75	
19	025163	PHẠM THÀNH ĐẠT	Nam	30/03/2008	THCS Cầu Giấy			8.25	9.00	8.75	43.00	
20	025164	PHÙNG THÀNH ĐẠT	Nam	18/06/2008	THCS Dịch Vọng			8.00	9.75	9.00	43.75	
21	025165	TRỊNH BÁ ĐẠT	Nam	19/04/2008	Phổ thông dân lập Hermann Gmeiner			7.25	6.75	7.00	35.25	
22	025166	CÔ VĂN HẢI ĐĂNG	Nam	20/03/2008	THCS Yên Hòa			8.00	9.00	8.50	42.00	
23	025167	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	03/09/2008	THCS Láng Thượng			8.50	9.50	9.00	44.50	
24	025168	PARK HẢI ĐĂNG	Nam	13/01/2008	THCS Archimedes Academy			7.00	9.75	9.00	41.75	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG
Trần Thế Cường

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH 10 THPT

Khóa thi ngày: 10/6/2023

BẢNG GHI ĐIỂM

Phòng: 8

Từ SBD: 025169

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Đến SBD: 025192

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐÚT	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025169	PHÙNG QUANG	ĐĂNG	Nam	02/04/2008	THCS Giảng Võ		7.50	9.75	9.00	42.75	
2	025170	VŨ MINH	ĐĂNG	Nam	21/12/2008	TH, THCS và THPT Vinschool		2.00	3.25	0.50	8.25	
3	025171	HOÀNG ANH	ĐỨC	Nam	30/09/2008	THCS Yên Hòa		7.00	9.00	9.00	41.00	
4	025172	LÊ MINH	ĐỨC	Nam	20/06/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		7.50	9.75	8.50	41.75	
5	025173	LÊ MINH	ĐỨC	Nam	14/08/2008	TH, THCS và THPT Everest		7.50	9.50	8.75	42.00	
6	025174	NGUYỄN MINH	ĐỨC	Nam	20/09/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.50	8.75	9.00	41.75	
7	025175	NGUYỄN MINH	ĐỨC	Nam	07/09/2008	THCS Nam Trung Yên		8.25	9.75	9.00	44.25	
8	025176	NGUYỄN MINH	ĐỨC	Nam	28/09/2008	THCS Trung Vương		7.25	9.25	9.00	41.75	
9	025177	NGUYỄN TRUNG	ĐỨC	Nam	21/11/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.00	8.75	6.75	36.25	
10	025178	NGUYỄN VŨ MINH	ĐỨC	Nam	11/02/2008	THCS Thăng Long		8.75	9.25	9.25	45.25	
11	025179	PHẠM ANH	ĐỨC	Nam	23/08/2008	THCS và THPT Marie Curie		8.00	9.00	8.25	41.50	
12	025180	TRẦN MINH	ĐỨC	Nam	18/10/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.75	9.75	9.00	43.25	
13	025181	ĐINH THỊ HƯƠNG	GIANG	Nữ	25/11/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.25	8.00	8.00	38.50	
14	025182	HÀ CẨM	GIANG	Nữ	22/01/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		8.00	9.75	8.75	43.25	
15	025183	LÊ THỊ HƯƠNG	GIANG	Nữ	03/02/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		8.25	9.00	9.00	43.50	
16	025184	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	Nữ	02/11/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		7.25	9.50	7.75	39.50	
17	025185	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	Nữ	24/10/2008	THCS Nam Trung Yên		8.25	9.75	8.50	43.25	
18	025186	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	Nữ	25/01/2008	THCS Mai Dịch		7.50	9.50	9.00	42.50	
19	025187	NGUYỄN MINH	GIANG	Nữ	08/09/2008	THCS Yên Hòa		8.50	10.0	9.00	45.00	
20	025188	NGUYỄN MINH	GIANG	Nữ	04/05/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.00	8.50	8.50	39.50	
21	025189	THÁI CHÂU	GIANG	Nữ	26/03/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		8.00	10.0	8.75	43.50	
22	025190	TRẦN HƯƠNG	GIANG	Nữ	03/04/2008	THCS Dịch Vọng		8.00	9.00	8.75	42.50	
23	025191	BÙI NGỌC	HÀ	Nữ	16/03/2008	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngõi Sao Hà Nội		8.75	9.25	9.50	45.75	
24	025192	ĐINH THU	HÀ	Nữ	16/11/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.75	9.50	8.25	41.50	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Trần Thế Cường

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH 10 THPT

Khóa thi ngày: 10/6/2023

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

BẢNG GHI ĐIỂM

Phòng: 9
Tờ SBD: 025193
Đến SBD: 025216

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐUẤT	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025193	NGUYỄN NGÂN	HÀ	Nữ	15/06/2008	THCS Yên Hòa		8.25	10.0	9.00	44.50	
2	025194	NGUYỄN NGÂN	HÀ	Nữ	20/10/2008	THCS Lê Quý Đôn		8.25	9.25	9.00	43.75	
3	025195	TRẦN THU	HÀ	Nữ	28/11/2008	THCS Trung Hòa		8.25	9.00	8.50	42.50	
4	025196	VÕ NGUYỄN THANH	HÀ	Nữ	16/11/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		8.25	9.25	9.50	44.75	
5	025197	HOÀNG MINH	HẢI	Nam	17/02/2008	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội		KT	KT	KT		
6	025198	NGÔ TÙNG	HẢI	Nam	23/10/2008	THCS Yên Hòa		7.50	9.75	9.00	42.75	
7	025199	NGUYỄN CÔNG ANH	HẢI	Nam	14/10/2008	THCS Yên Hòa		8.50	9.25	9.00	44.25	
8	025200	LÊ NHẬT	HẠ	Nữ	30/08/2008	THCS Nguyễn Trường Tộ		8.50	9.50	9.00	44.50	
9	025201	LÊ THỊ KHÁNH	HẠ	Nữ	10/02/2008	THCS Thái Thịnh		8.00	9.50	9.00	43.50	
10	025202	NGUYỄN MINH	HẠNH	Nữ	07/12/2008	THCS Trung Hòa		8.25	9.00	9.00	43.50	
11	025203	NGUYỄN PHƯƠNG	HẠNH	Nữ	22/11/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		8.00	9.25	8.25	41.75	
12	025204	PHÙNG NGỌC MINH	HẠNH	Nữ	14/03/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		8.00	8.75	8.50	41.75	
13	025205	TRỊNH MINH	HẰNG	Nữ	27/06/2008	THCS Kim Giang		7.25	8.50	9.00	41.00	
14	025206	LÊ MAI	HÂN	Nữ	16/10/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.75	9.25	8.75	42.25	
15	025207	TRẦN GIA	HÂN	Nữ	26/11/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.00	9.00	9.00	41.00	
16	025208	VŨ ĐĂNG GIA	HÂN	Nữ	01/11/2008	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD		7.50	8.25	8.50	40.25	
17	025209	VŨ GIA	HÂN	Nữ	27/02/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		8.25	9.75	8.00	42.25	
18	025210	PHẠM MINH	HIẾU	Nam	09/09/2008	THCS Phan Chu Trinh		7.50	9.50	8.75	42.00	
19	025211	ĐINH THỊ THẢO	HIỀN	Nữ	22/08/2008	THCS Yên Hòa		7.75	9.75	9.00	43.25	
20	025212	NGUYỄN MINH	HIỀN	Nam	02/01/2008	THCS Nhật Tân		7.50	9.75	9.50	43.75	
21	025213	PHẠM NHÃ	HOA	Nữ	16/03/2008	THCS và THPT Lê Quý Đôn		7.75	9.25	8.50	41.75	
22	025214	TẠ PHƯƠNG	HOA	Nữ	08/08/2008	THCS Nghĩa Tân		8.50	9.00	9.00	44.00	
23	025215	BÙI GIA	HUY	Nam	27/11/2008	THCS Nghĩa Tân		7.50	9.75	9.00	42.75	
24	025216	CHU ĐỨC	HUY	Nam	30/10/2008	THCS Nghĩa Tân		7.50	9.75	9.00	42.75	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Trần Thế Cường

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐUỠ	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025217	HOA NGỌC	HUY	Nam	13/09/2008	THCS và THPT Lê Quý Đôn		7.25	9.75	8.75	41.75	
2	025218	HOÀNG HỮU	HUY	Nam	30/05/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.50	9.50	8.75	42.00	
3	025219	LÊ KHẢ	HUY	Nam	02/12/2008	THCS Láng Thượng		7.75	9.75	9.25	43.75	
4	025220	LÊ NGUYỄN NHẬT	HUY	Nam	19/11/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.25	9.50	9.50	43.00	
5	025221	LƯU GIA	HUY	Nam	02/11/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.50	9.75	9.00	42.75	
6	025222	NGUYỄN KHÁC ANH	HUY	Nam	02/02/2008	THCS Nam Từ Liêm		8.25	9.75	8.75	43.75	
7	025223	PHAN ĐỨC	HUY	Nam	11/01/2008	THCS Archimedes Academy		7.00	9.75	8.25	40.25	
8	025224	TRẦN	HUY	Nam	06/09/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.25	8.25	8.50	39.75	
9	025225	BÙI NGỌC	HUYỀN	Nữ	14/02/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.75	9.75	8.25	41.75	
10	025226	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	Nữ	15/01/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		7.75	9.25	9.00	42.75	
11	025227	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	Nữ	16/04/2008	THCS Yên Hòa		7.25	9.50	8.00	40.00	
12	025228	ĐÀO VIỆT	HÙNG	Nam	30/12/2008	THCS Nam Từ Liêm		7.50	10.0	9.00	43.00	
13	025229	LÊ MẠNH	HÙNG	Nam	17/01/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		7.50	8.75	8.75	41.25	
14	025230	MAI TUẤN	HÙNG	Nam	05/06/2008	THCS Archimedes Academy		6.75	7.75	8.75	38.75	
15	025231	PHẠM TRẦN TUẤN	HÙNG	Nam	20/10/2008	THCS Dịch Vọng		7.75	8.75	9.25	42.75	
16	025232	ĐOÀN GIA	HÙNG	Nam	24/12/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.25	9.75	8.75	41.75	
17	025233	NGUYỄN QUANG	HÙNG	Nam	03/07/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		7.50	8.25	8.25	39.75	
18	025234	PHÙNG QUANG	HÙNG	Nam	02/07/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.25	10.0	8.50	41.50	
19	025235	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	Nữ	06/09/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.75	8.50	9.00	42.00	
20	025236	KHUẤT GIA	KHANG	Nam	02/04/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		6.75	7.75	7.00	35.25	
21	025237	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	Nam	27/01/2008	THCS và THPT Marie Curie		6.50	7.25	6.50	33.25	
22	025238	ĐOÀN MAI	KHANH	Nữ	14/08/2008	THCS Dịch Vọng		8.00	10.0	9.00	44.00	
23	025239	NGUYỄN MINH	KHANH	Nữ	24/08/2008	THCS-THPT Newton		7.50	9.75	9.00	42.75	
24	025240	TRƯƠNG BẢO	KHANH	Nữ	16/05/2008	THCS Yên Hòa		8.00	9.00	8.75	42.50	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025241	TRƯƠNG VĂN	KHANH	Nữ	13/03/2008	THCS Văn Yên		8.25	9.75	9.50	45.25	
2	025242	BUI GIA	KHANH	Nam	26/09/2008	THCS Xuân Mai A		7.25	9.25	9.00	41.75	
3	025243	ĐẶNG LÊ BẢO	KHANH	Nữ	08/04/2008	THCS Yên Hòa		7.75	9.75	9.00	43.25	
4	025244	ĐỖ THỊ NGỌC	KHANH	Nữ	16/02/2008	THCS Nguyễn Du		7.50	9.75	8.50	41.75	
5	025245	HOÀNG BẢO	KHANH	Nữ	28/01/2008	THCS Yên Hòa		7.50	9.25	8.50	41.25	
6	025246	LÊ AN	KHANH	Nam	20/03/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.00	9.00	8.75	40.50	
7	025247	LÊ HOÀNG NAM	KHANH	Nam	10/07/2008	THCS Nghĩa Tân		7.75	10.0	9.25	44.00	
8	025248	NGUYỄN HỒNG	KHANH	Nữ	23/02/2008	THCS Dịch Vọng		7.75	9.75	9.00	43.25	
9	025249	NGUYỄN NGỌC	KHANH	Nữ	30/10/2008	THCS Yên Hòa		8.25	9.50	9.00	44.00	
10	025250	PHẠM BẢO	KHANH	Nam	15/08/2008	THCS Yên Hòa		8.00	8.75	8.50	41.75	
11	025251	PHẠM NHẬT	KHANH	Nữ	30/05/2008	THCS-THPT Newton		7.75	8.75	8.25	40.75	
12	025252	TRƯƠNG BẢO	KHANH	Nữ	16/05/2008	THCS Yên Hòa		7.25	9.50	8.50	41.00	
13	025253	TRẦN TUẤN	KHAI	Nam	22/07/2008	THCS Nam Trung Yên		7.25	8.75	9.50	42.25	
14	025254	HOÀNG MINH	KHOA	Nam	02/01/2008	THCS Dịch Vọng		7.50	10.0	9.00	43.00	
15	025255	NGUYỄN TRÍ BẢO	KHOA	Nam	21/12/2008	THCS Mai Dịch		8.25	9.75	8.50	43.25	
16	025256	NGUYỄN VĂN	KHOA	Nam	18/02/2008	THCS Archimedes Academy		8.25	10.0	9.00	44.50	
17	025257	ĐẶNG ANH	KHÔI	Nam	02/05/2008	THCS-THPT Newton		7.75	9.75	8.75	42.75	
18	025258	ĐỒNG TRỌNG	KHÔI	Nam	04/11/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		7.75	9.00	9.00	42.50	
19	025259	NGUYỄN HOÀNG	KHÔI	Nam	06/01/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.25	8.50	8.00	39.00	
20	025260	NGUYỄN HOÀNG MAI	KHÔI	Nữ	14/07/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		8.25	8.75	9.00	43.25	
21	025261	NGUYỄN PHAN THIÊN	KHÔI	Nam	08/12/2008	THCS Yên Hòa		7.50	7.25	9.00	40.25	
22	025262	VŨ TUẤN	KHÔI	Nam	17/09/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.00	9.50	9.50	44.50	
23	025263	NGHIÊM MINH	KHUÊ	Nữ	12/08/2008	THCS Nam Trung Yên		8.50	9.50	9.25	45.00	
24	025264	VŨ THỊ MINH	KHUÊ	Nữ	12/05/2008	THCS và THPT Lê Quý Đôn	0.5	8.25	9.75	8.75	44.25	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025265	KHUẤT HỮU	KIÊN	Nam	17/01/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		8.00	9.25	9.00	43.25	
2	025266	NGUYỄN HỮU	KIÊN	Nam	27/02/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		7.75	10.0	9.00	43.50	
3	025267	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	Nam	20/02/2008	THCS và THPT Việt úc Hà Nội		7.00	8.50	6.00	34.50	
4	025268	PHẠM ĐỨC	KIÊN	Nam	15/01/2008	THCS Nghĩa Tân		7.75	9.75	9.00	43.25	
5	025269	TRẦN NGỌC	KIÊN	Nam	20/05/2008	THCS và THPT Trần Quốc Tuấn		7.75	9.75	9.25	43.75	
6	025270	NGUYỄN KHÁNH	LAM	Nữ	10/12/2008	THCS Trung Hòa		8.50	9.75	8.00	42.75	
7	025271	NGUYỄN MAI	LÂM	Nữ	13/10/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.75	9.50	8.75	42.50	
8	025272	NGUYỄN PHÚC	LÂM	Nữ	15/03/2008	TH và THCS Olympia		KT	KT	KT		
9	025273	QUẦN TÙNG	LÂM	Nam	01/11/2008	THCS Yên Hòa		7.50	9.25	8.50	41.25	
10	025274	TRẦN BÁ	LÂM	Nam	29/04/2008	THCS và THPT Lương Thê Vinh		7.50	9.75	9.75	44.25	
11	025275	TRƯƠNG PHƯƠNG	LÊ	Nữ	16/04/2008	THCS và THPT Lê Quý Đôn		8.50	8.50	9.00	43.50	
12	025276	LÊ CHÍ	LIÊM	Nam	02/08/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.25	9.75	9.00	44.25	
13	025277	BÙI GIA	LINH	Nữ	20/06/2008	THCS Dịch Vọng		8.00	8.50	9.50	43.50	
14	025278	BÙI HÀ	LINH	Nữ	08/02/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		6.75	9.50	8.75	40.50	
15	025279	BÙI HÀ	LINH	Nữ	05/02/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		7.50	9.50	9.00	42.50	
16	025280	BÙI KHÁNH	LINH	Nữ	23/08/2008	THCS Nam Trung Yên		7.50	9.00	8.75	41.50	
17	025281	ĐÀO NGỌC	LINH	Nữ	31/07/2008	THCS Nghĩa Tân		8.00	9.75	9.00	43.75	
18	025282	ĐẶNG MAI BẢO	LINH	Nữ	04/07/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		7.50	9.25	9.00	42.25	
19	025283	ĐẶNG NGUYỄN HÀ	LINH	Nữ	23/10/2008	THCS Nam Từ Liêm		8.00	8.75	9.00	42.75	
20	025284	ĐINH THỊ NGỌC	LINH	Nữ	31/01/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.25	9.50	9.00	42.00	
21	025285	ĐỖ PHƯƠNG	LINH	Nữ	17/08/2008	THCS Dịch Vọng		8.25	10.0	9.50	45.50	
22	025286	ĐỖ VĂN	LINH	Nữ	09/07/2008	THCS Yên Hòa		7.75	9.25	9.00	42.75	
23	025287	HOÀNG ANH PHƯƠNG	LINH	Nữ	17/02/2008	THCS Trần Duy Hưng		8.00	9.00	9.00	43.00	
24	025288	HỨA HÀ	LINH	Nữ	24/07/2008	THCS Yên Hòa		7.50	8.75	8.25	40.25	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐUẤT	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025289	KIỀU HÀ	LINH	Nữ	09/01/2008	THCS Pascal		9.00	9.75	9.00	45.75	
2	025290	LÊ DIỆU	LINH	Nữ	18/12/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		7.50	9.00	9.00	42.00	
3	025291	LÊ HOÀNG	LINH	Nữ	02/10/2008	THCS Yên Hòa		8.00	8.75	9.00	42.75	
4	025292	LÊ KHÁNH	LINH	Nữ	14/02/2008	THCS Dịch Vọng		8.75	9.50	9.00	45.00	
5	025293	LÊ KHÁNH	LINH	Nữ	13/07/2008	THCS Nghĩa Tân		8.00	9.25	8.75	42.75	
6	025294	LÊ NHẬT	LINH	Nữ	10/10/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		8.75	10.0	8.75	45.00	
7	025295	LÊ PHƯƠNG	LINH	Nữ	24/07/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		8.50	10.0	9.00	45.00	
8	025296	LƯƠNG ĐAN	LINH	Nữ	18/10/2008	THCS Yên Hòa		7.25	8.50	8.25	39.50	
9	025297	LƯƠNG KIM	LINH	Nữ	10/10/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		7.75	10.0	8.50	42.50	
10	025298	LƯU NGỌC	LINH	Nữ	29/10/2008	THCS Trương Công Giai		8.00	9.50	9.00	43.50	
11	025299	NGUYỄN BẢO	LINH	Nữ	19/12/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		8.00	9.00	8.00	41.00	
12	025300	NGUYỄN ĐẶNG GIA	LINH	Nữ	17/04/2008	THCS Yên Hòa		8.50	10.0	9.50	46.00	
13	025301	NGUYỄN ĐẶNG HÀ	LINH	Nữ	15/10/2008	THCS và THPT Marie Curie		6.75	7.75	8.75	38.75	
14	025302	NGUYỄN ĐẶNG KHÁNH	LINH	Nữ	12/12/2008	THCS Mai Dịch		8.50	10.0	8.50	44.00	
15	025303	NGUYỄN HÀ	LINH	Nữ	16/02/2008	THCS Yên Hòa		8.25	8.75	9.00	43.25	
16	025304	NGUYỄN HÀ	LINH	Nữ	28/08/2008	THCS Mỹ Đình 1		7.25	9.25	9.00	41.75	
17	025305	NGUYỄN HÀ	LINH	Nữ	08/12/2008	THPT Lý Thái Tổ		7.75	9.25	8.25	41.25	
18	025306	NGUYỄN HÀ HẠNH	LINH	Nữ	16/01/2009	THCS Nghĩa Tân		7.50	9.75	9.50	43.75	
19	025307	NGUYỄN HOÀNG HÀ	LINH	Nữ	03/06/2008	THCS Nam Từ Liêm		8.00	9.50	9.00	43.50	
20	025308	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	LINH	Nữ	30/06/2008	TH, THCS và THPT Everest		8.00	9.25	9.00	43.25	
21	025309	NGUYỄN HOÀNG TRANG	LINH	Nữ	05/06/2008	THCS Nghĩa Tân		7.75	8.50	9.50	43.00	
22	025310	NGUYỄN HUYỀN	LINH	Nữ	24/02/2008	THCS Láng Thượng		8.00	9.50	8.75	43.00	
23	025311	NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	16/02/2008	THCS Yên Hòa		7.75	9.25	9.00	42.75	
24	025312	NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	31/10/2008	THCS Nguyễn Trường Tộ		7.75	9.50	9.00	43.00	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trần Thế Cường

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH 10 THPT

Khóa thi ngày: 10/6/2023

BẢNG GHI ĐIỂM

Phòng: 14

Từ SBD: 025313

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Đến SBD: 025336

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025313	NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	13/11/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.75	10.0	9.00	43.50	
2	025314	NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	27/07/2008	THCS-THPT Newton		8.50	9.50	6.75	40.00	
3	025315	NGUYỄN NGỌC	LINH	Nữ	16/12/2008	THCS Yên Hòa		7.50	9.75	9.00	42.75	
4	025316	NGUYỄN NGỌC HÀ	LINH	Nữ	24/05/2008	THCS-THPT Newton		8.50	9.75	9.00	44.75	
5	025317	NGUYỄN NGỌC MAI	LINH	Nữ	09/08/2008	THCS Cầu Giấy		7.75	9.00	5.25	35.00	
6	025318	NGUYỄN NHẬT	LINH	Nữ	21/06/2008	THCS Yên Hòa		8.50	9.25	9.00	44.25	
7	025319	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	Nữ	19/02/2008	THCS Nguyễn Du		8.00	9.75	9.00	43.75	
8	025320	NGUYỄN THẠCH KHÁNH	LINH	Nữ	29/12/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.50	9.50	8.25	41.00	
9	025321	NGUYỄN TRẦN GIA	LINH	Nữ	13/12/2008	THCS Thanh Xuân Trung		8.00	9.00	7.50	40.00	
10	025322	PHAN KHÁNH	LINH	Nữ	07/04/2008	THCS Vinschool Metropolis		7.75	9.75	9.50	44.25	
11	025323	PHẠM GIA	LINH	Nữ	08/12/2008	THCS Dịch Vọng		8.50	9.75	9.00	44.75	
12	025324	PHẠM KIỀU	LINH	Nữ	02/04/2008	THCS Yên Hòa		8.75	8.75	8.50	43.25	
13	025325	PHẠM NGỌC	LINH	Nữ	24/09/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.50	9.25	9.50	43.25	
14	025326	PHẠM NGỌC	LINH	Nữ	10/04/2008	THCS Nghĩa Tân		8.25	9.25	9.00	43.75	
15	025327	PHÙNG LƯU PHƯƠNG	LINH	Nữ	30/06/2008	THCS Alpha		6.00	9.50	9.00	39.50	
16	025328	TỔNG TUỆ	LINH	Nữ	03/11/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		7.75	9.50	8.75	42.50	
17	025329	TRẦN ÁNH	LINH	Nữ	26/08/2008	THCS Cầu Giấy		7.50	8.75	9.00	41.75	
18	025330	TRẦN HOÀNG HÀ	LINH	Nữ	27/07/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		8.25	9.25	8.50	42.75	
19	025331	VŨ NHẬT	LINH	Nam	27/06/2008	THCS Trung Hòa		8.00	9.25	9.00	43.25	
20	025332	VŨ PHƯƠNG	LINH	Nữ	13/09/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		8.00	8.75	9.00	42.75	
21	025333	ĐỖ BÙI BẢO	LONG	Nam	24/10/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		8.00	9.75	8.25	42.25	
22	025334	HOÀNG ĐỨC	LONG	Nam	18/07/2008	THCS Mai Dịch		8.00	9.00	9.00	43.00	
23	025335	NGUYỄN	LONG	Nam	17/02/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.75	10.0	8.75	43.00	
24	025336	NGUYỄN HOÀNG	LONG	Nam	08/08/2008	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội		6.75	9.50	8.50	40.00	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG
Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH 10 THPT

Khóa thi ngày: 10/6/2023

BẢNG GHI ĐIỂM

Phòng: 15

Từ SBD: 025337

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Đến SBD: 025360

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025337	NGUYỄN PHI	LONG	Nam	26/03/2008	THCS Phan Chu Trinh		8.25	10.0	9.00	44.50	
2	025338	NGUYỄN TUẤN	LONG	Nam	22/02/2008	TH, THCS và THPT Archimedes Đồng Anh		7.75	9.00	8.75	42.00	
3	025339	NGUYỄN VÔ DUY	LONG	Nam	23/06/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		7.25	9.00	8.25	40.00	
4	025340	VŨ HẢI	LONG	Nam	17/11/2008	THCS Yên Hòa		7.50	9.75	9.25	43.25	
5	025341	VŨ NHẬT	LONG	Nam	15/12/2008	THCS Mỹ Đình 1		8.25	9.25	9.00	43.75	
6	025342	PHÙNG ĐỨC	LƯƠNG	Nam	03/10/2008	THCS Yên Hòa		7.50	10.0	9.00	43.00	
7	025343	NGUYỄN HỒNG BẢO	LY	Nữ	18/04/2008	THCS và THPT Nguyễn Siêu		8.25	9.50	8.50	43.00	
8	025344	NGUYỄN KHÁNH	LY	Nữ	14/04/2008	THCS Yên Hòa		7.50	7.00	8.75	39.50	
9	025345	TRƯƠNG THÙY	LY	Nữ	29/06/2008	THCS Phúc Diễn		7.75	9.50	9.00	43.00	
10	025346	HOÀNG HOA	MAI	Nữ	22/11/2008	THCS Nguyễn Du		8.25	9.75	9.00	44.25	
11	025347	LÊ THỊ XUÂN	MAI	Nữ	23/06/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.50	10.0	9.00	45.00	
12	025348	NGUYỄN ÁNH BAN	MAI	Nữ	21/11/2008	THCS và THPT Marie Curie-Hà Đông		4.50	4.50	4.50	22.50	
13	025349	NGUYỄN THANH	MAI	Nữ	19/02/2008	THCS Lê Quý Đôn		8.00	10.0	9.00	44.00	
14	025350	TRIỆU NHẬT	MAI	Nữ	22/01/2008	THCS Láng Hạ		7.75	6.00	7.00	35.50	
15	025351	TRẦN ĐỨC	MANH	Nam	27/06/2008	THCS Giảng Võ		8.50	8.75	8.75	43.25	
16	025352	BÙI ĐĂNG	MINH	Nam	19/10/2008	THCS Nghĩa Tân		7.75	10.0	8.50	42.50	
17	025353	ĐÀO ĐỨC	MINH	Nam	11/09/2008	THCS Thái Thịnh		7.50	9.75	9.25	43.25	
18	025354	ĐỖ ĐỨC	MINH	Nam	16/02/2008	THCS Trung Hòa		7.00	9.00	9.00	41.00	
19	025355	HỒ NHẬT	MINH	Nữ	18/03/2008	THCS và THPT Lê Quý Đôn		7.75	9.00	9.00	42.50	
20	025356	KIỀU TUỆ	MINH	Nam	19/03/2008	THCS Dịch Vọng		7.50	9.75	9.50	43.75	
21	025357	KIỀU TUỆ	MINH	Nữ	08/10/2008	THCS và THPT Lê Quý Đôn		7.50	9.75	8.75	42.25	
22	025358	LÊ ĐĂNG TUẤN	MINH	Nam	27/01/2008	TH, THCS và THPT Đa Trí Tuệ		5.25	8.50	7.25	33.50	
23	025359	LÊ ĐỨC ANH	MINH	Nam	11/03/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		8.25	8.25	9.00	42.75	
24	025360	LÊ HẢI	MINH	Nam	16/11/2008	THCS Dịch Vọng		7.50	9.50	9.50	43.50	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG
Trần Thế Cường

BẢNG GHI ĐIỂM

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐUỠ	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025361	LÊ KHÁNH	MINH	Nam	22/04/2008	THCS Dịch Vọng	0.5	8.25	9.50	8.50	43.00	
2	025362	LÊ PHẠM ANH	MINH	Nam	30/11/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.75	9.50	8.50	42.00	
3	025363	NGHIÊM PHÚ	MINH	Nam	14/10/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.00	9.50	8.25	42.50	
4	025364	NGUYỄN BÁ BẢO	MINH	Nam	07/06/2008	THCS Yên Hòa		7.00	8.75	8.25	39.25	
5	025365	NGUYỄN BẢO	MINH	Nữ	03/08/2008	THCS Nghĩa Tân		8.00	9.50	8.75	43.00	
6	025366	NGUYỄN HIỀN	MINH	Nữ	09/10/2008	THCS Hà Nội Academy		7.50	7.75	7.25	37.25	
7	025367	NGUYỄN HOÀNG GIA	MINH	Nam	04/10/2008	THCS Dịch Vọng		8.00	9.25	9.00	43.25	
8	025368	NGUYỄN HUY	MINH	Nam	17/11/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.25	9.50	9.00	44.00	
9	025369	NGUYỄN ÍCH TUÂN	MINH	Nam	05/12/2008	THCS Dịch Vọng		8.00	9.25	9.25	43.75	
10	025370	NGUYỄN KHÁNH	MINH	Nam	26/05/2008	THCS Trung Hòa		8.00	9.75	9.00	43.75	
11	025371	NGUYỄN NHẬT	MINH	Nam	17/01/2008	THCS Mai Dịch		7.75	8.50	9.00	42.00	
12	025372	NGUYỄN THÁI HỒNG	MINH	Nữ	27/10/2008	THCS Lê Quý Đôn		7.75	9.25	9.00	42.75	
13	025373	NGUYỄN THU	MINH	Nữ	13/07/2008	THCS Mỹ Đình 1		8.00	9.00	9.00	43.00	
14	025374	NGUYỄN THU	MINH	Nữ	16/06/2008	THCS Mai Dịch		8.25	9.75	9.00	44.25	
15	025375	NGUYỄN TIẾN	MINH	Nam	15/04/2008	THCS Archimedes Academy		7.75	9.00	9.00	42.50	
16	025376	NGUYỄN TRẦN TUÂN	MINH	Nam	17/04/2008	THCS và THPT Lê Quý Đôn		7.75	8.00	8.75	41.00	
17	025377	NGUYỄN VŨ QUANG	MINH	Nam	07/07/2008	THCS Dịch Vọng		8.75	10.0	9.50	46.50	
18	025378	PHẠM HỒNG	MINH	Nữ	05/03/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		7.25	10.0	9.00	42.50	
19	025379	PHƯƠNG VÂN	MINH	Nam	01/04/2008	THCS Mai Dịch		8.00	9.75	9.00	43.75	
20	025380	THÁI NGỌC	MINH	Nữ	26/09/2008	THCS và THPT Marie Curie		6.75	9.25	7.75	38.25	
21	025381	THÂN VÕ GIA	MINH	Nam	02/12/2008	THCS Yên Hòa		6.25	8.75	8.25	37.75	
22	025382	TRẦN BÌNH	MINH	Nam	18/07/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		7.25	9.75	9.25	42.75	
23	025383	TRẦN QUANG	MINH	Nam	17/09/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.00	9.75	9.75	43.25	
24	025384	TRẦN TUÂN	MINH	Nam	22/10/2008	THCS Yên Hòa		7.50	9.25	9.00	42.25	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG
PHÓ CHỦ TỊCH

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025385	VŨ TÀI	MINH	Nam	10/03/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		KT	KT	KT		
2	025386	VŨ THỊ HỒNG	MINH	Nữ	03/11/2008	THCS Yên Hòa		8.25	9.00	9.00	43.50	
3	025387	CHU LÊ HÀ	MY	Nữ	13/02/2008	THCS Phan Chu Trinh		8.50	10.0	9.50	46.00	
4	025388	ĐÀO HÀ	MY	Nữ	04/11/2008	THCS-THPT Newton		8.50	9.50	8.75	44.00	
5	025389	ĐINH THỊ TRÀ	MY	Nữ	01/11/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		8.50	7.75	6.50	37.75	
6	025390	ĐỖ LÊ HÀ	MY	Nữ	24/05/2008	THCS Yên Hòa		7.25	10.0	8.25	41.00	
7	025391	NGUYỄN ĐỖ HÀ	MY	Nữ	01/12/2008	THCS Yên Hòa		7.75	8.25	8.50	40.75	
8	025392	NGUYỄN HÀ	MY	Nữ	02/09/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.75	7.75	9.00	41.25	
9	025393	NGUYỄN HÀ	MY	Nữ	03/10/2008	THCS Yên Hòa		7.75	8.75	9.00	42.25	
10	025394	NGUYỄN THẢO	MY	Nữ	08/08/2008	THCS Nghĩa Tân		7.00	9.75	9.00	41.75	
11	025395	NGUYỄN TRÀ	MY	Nữ	30/01/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		8.00	9.75	7.75	41.25	
12	025396	NGUYỄN TRÀ	MY	Nữ	19/04/2008	THCS và THPT Dewey		KT	KT	KT		
13	025397	NGUYỄN TRÀ	MY	Nữ	08/09/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.25	6.75	7.00	35.25	
14	025398	PHẠM HÀ	MY	Nữ	04/05/2008	THCS Xuân La		8.25	8.00	8.25	41.00	
15	025399	PHẠM QUỲNH THẢO	MY	Nữ	14/06/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.50	6.75	7.25	36.25	
16	025400	TRẦN LÊ HÀ	MY	Nữ	09/09/2008	THCS Mỹ Đình 1		8.50	9.25	9.50	45.25	
17	025401	ĐỖ TRĂNG HOÀNG	NAM	Nam	19/10/2008	THCS Phan Chu Trinh		7.75	9.50	9.00	43.00	
18	025402	HOÀNG HẢI	NAM	Nam	28/12/2008	THCS-THPT Newton		7.75	9.50	8.50	42.00	
19	025403	NGUYỄN AN GIA	NAM	Nam	05/04/2008	THCS Cầu Diễn		8.50	9.00	8.75	43.50	
20	025404	NGUYỄN DUY	NAM	Nam	24/01/2008	THCS Láng Thượng		8.25	10.0	9.00	44.50	
21	025405	NGUYỄN HẢI	NAM	Nam	02/11/2008	THCS và THPT Marie Curie		6.75	7.50	7.00	35.00	
22	025406	NGUYỄN KHOA	NAM	Nam	14/10/2008	THCS Yên Hòa		7.25	9.75	9.00	42.25	
23	025407	NGUYỄN NGỌC	NAM	Nam	16/11/2008	THCS Mỹ Đình 1		7.75	8.00	9.00	41.50	
24	025408	PHẠM HẢI	NAM	Nam	29/11/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.50	9.75	9.00	42.75	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trần Thế Cường

BẢNG GHI ĐIỂM

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐUẤT	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025409	PHẠM LÊ HẢI	NAM	Nam	15/12/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		8.00	9.50	8.75	43.00	
2	025410	TRẦN TRUNG	NAM	Nam	12/11/2008	THCS Dịch Vọng		8.75	9.00	7.75	42.00	
3	025411	TRỊNH TUẤN	NAM	Nam	19/07/2008	THCS Yên Hòa		8.25	10.0	9.00	44.50	
4	025412	PHẠM	NANCY	Nữ	21/08/2008	THCS và THPT Marie Curie		KT	KT	KT		
5	025413	HỨA THANH	NGA	Nữ	21/03/2008	THCS Mỹ Đình 1		8.75	9.75	9.00	45.25	
6	025414	BÙI THẢO	NGÂN	Nữ	02/01/2008	THCS Cát Linh		8.25	9.00	8.75	43.00	
7	025415	HOÀNG LINH	NGÂN	Nữ	20/12/2008	THCS Phương Liệt		7.75	8.25	6.75	37.25	
8	025416	LÊ HẢI	NGÂN	Nữ	17/01/2008	THCS Yên Hòa		8.25	10.0	8.75	44.00	
9	025417	NGUYỄN BẢO	NGÂN	Nữ	25/09/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		7.75	10.0	9.00	43.50	
10	025418	NGUYỄN NGỌC KIM	NGÂN	Nữ	09/12/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		8.00	9.50	9.50	44.50	
11	025419	TRẦN BẢO	NGÂN	Nữ	13/01/2008	THCS Yên Hòa		8.50	9.75	9.00	44.75	
12	025420	TRẦN KHÁNH	NGÂN	Nữ	21/09/2008	THCS Lê Quý Đôn		7.50	8.75	8.50	40.75	
13	025421	TRẦN QUỲNH	NGÂN	Nữ	11/02/2008	THCS Thịnh Quang		8.25	9.00	8.50	42.50	
14	025422	TRẦN THANH	NGÂN	Nữ	04/01/2008	THCS Yên Hòa		8.00	7.25	9.00	41.25	
15	025423	VÔ HOÀNG	NGÂN	Nữ	06/11/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		8.50	10.0	9.25	45.50	
16	025424	NGUYỄN ĐỨC	NGHĨA	Nam	02/02/2008	THCS Yên Hòa		8.00	9.75	8.75	43.25	
17	025425	ĐINH THỊ MINH	NGỌC	Nữ	04/11/2008	THCS Nam Trung Yên		8.00	8.25	9.50	43.25	
18	025426	ĐỖ BẢO	NGỌC	Nữ	30/07/2008	THCS Cầu Diễn		7.00	9.75	9.25	42.25	
19	025427	LÊ MINH	NGỌC	Nữ	21/10/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		7.75	10.0	9.50	44.50	
20	025428	LÊ MINH	NGỌC	Nữ	07/10/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.75	9.75	9.00	45.25	
21	025429	NGUYỄN BẢO	NGỌC	Nữ	27/05/2008	THCS Dịch Vọng		7.75	9.00	9.00	42.50	
22	025430	NGUYỄN LINH	NGỌC	Nữ	06/11/2008	THCS Trương Công Giai		7.75	8.50	8.50	41.00	
23	025431	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGỌC	Nữ	20/11/2008	THCS Nghĩa Tân		8.00	10.0	8.75	43.50	
24	025432	PHÙNG BẢO MINH	NGỌC	Nữ	07/09/2008	THCS Archimedes Academy		7.50	10.0	9.00	43.00	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG
Trần Thế Cương

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025433	THACH MINH	NGOC	Nữ	22/08/2008	PT Quốc Tế Việt Nam		5.25	5.25	8.25	32.25	
2	025434	TÔ HOÀNG BẢO	NGOC	Nữ	09/07/2008	THCS Nam Trung Yên		7.75	9.50	8.75	42.50	
3	025435	TRẦN KIM	NGOC	Nữ	09/02/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.25	10.0	9.00	44.50	
4	025436	TRẦN PHƯƠNG MINH	NGOC	Nữ	24/12/2007	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		8.00	8.75	9.00	42.75	
5	025437	TRỊNH BẢO MINH	NGOC	Nữ	06/04/2008	THCS Dịch Vọng		8.50	9.25	9.00	44.25	
6	025438	VŨ PHƯƠNG BẢO	NGOC	Nữ	06/08/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		7.75	9.00	8.25	41.00	
7	025439	HOÀNG ĐỨC	NGUYỄN	Nam	16/06/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		8.00	10.0	9.00	44.00	
8	025440	HOÀNG KHÔI	NGUYỄN	Nam	20/05/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		8.50	9.50	7.25	41.00	
9	025441	NGUYỄN PHÚC	NGUYỄN	Nam	04/04/2008	THCS Nghĩa Tân		7.50	9.50	9.00	42.50	
10	025442	PHAN KHÔI	NGUYỄN	Nam	19/11/2008	THCS Yên Hòa		8.00	10.0	8.25	42.50	
11	025443	TRẦN AN	NGUYỄN	Nam	07/07/2008	THCS Archimedes Academy		7.50	9.00	9.00	42.00	
12	025444	NGUYỄN TÂM	NGUYỄN	Nam	18/08/2008	THCS Nam Trung Yên		7.75	9.00	7.00	38.50	
13	025445	ĐỖ TRỌNG	NHÂN	Nam	22/05/2008	THCS Nam Trung Yên		7.25	10.0	8.50	41.50	
14	025446	NGUYỄN MINH	NHÂN	Nam	15/12/2008	THCS Dịch Vọng		8.00	9.75	9.00	43.75	
15	025447	LƯU VIỆT	NHẬT	Nam	25/05/2008	THCS Cầu Diễn		6.25	9.75	9.00	40.25	
16	025448	ĐỖ YẾN	NHI	Nữ	17/08/2008	THCS và THPT Alfred Nobel		7.50	5.25	2.25	24.75	
17	025449	NGUYỄN BẢO	NHI	Nữ	18/07/2008	THCS Tây Mỗ		7.75	9.75	9.00	43.25	
18	025450	NGUYỄN LINH	NHI	Nữ	18/07/2008	THCS Alpha		4.25	4.25	1.25	15.25	
19	025451	NGUYỄN LƯU BẢO	NHI	Nữ	01/07/2008	THCS Nghĩa Tân		8.25	9.75	8.75	43.75	
20	025452	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHI	Nữ	21/07/2008	THCS Thành Công		7.00	9.25	9.00	41.25	
21	025453	NGUYỄN THẢO	NHI	Nữ	04/12/2008	THCS Dịch Vọng		8.50	9.00	9.00	44.00	
22	025454	PHÙNG ANH YẾN	NHI	Nữ	04/04/2008	THCS Trung Hòa		8.00	10.0	8.00	42.00	
23	025455	PHÙNG XUÂN	NHI	Nữ	12/12/2008	THCS Yên Hòa		7.75	10.0	9.00	43.50	
24	025456	TRẦN NGỌC BẢO	NHI	Nữ	22/01/2008	THCS Nam Trung Yên		8.25	9.75	9.00	44.25	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH 10 THPT

Khóa thi ngày: 10/6/2023

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

BẢNG GHI ĐIỂM

Phòng: 20

Từ SBD: 025457

Đến SBD: 025480

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025457	TRẦN NGỌC Y	NHI	Nữ	17/12/2008	THCS Nghĩa Tân	0.5	7.75	9.75	9.50	44.75	
2	025458	TRẦN TRANG	NHUNG	Nữ	04/03/2008	THCS Nguyễn Du		8.75	9.50	9.50	46.00	
3	025459	ĐOÀN GIA	NHU	Nữ	12/08/2008	THCS Mai Dịch		8.50	9.50	9.00	44.50	
4	025460	NGUYỄN TÂM	NHU	Nữ	06/09/2008	THCS Nghĩa Tân		8.00	8.50	9.00	42.50	
5	025461	LÊ THỊ KIM	OANH	Nữ	30/03/2008	THCS Yên Hòa		8.50	7.75	9.25	43.25	
6	025462	HÀ VĨNH	PHÁT	Nam	31/08/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.50	9.75	9.25	45.25	
7	025463	HOÀNG ĐÌNH ĐỨC	PHÁT	Nam	20/12/2008	THCS Yên Hòa		7.00	6.75	7.50	35.75	
8	025464	NGUYỄN LÊ GIA	PHÁT	Nam	08/03/2008	THCS Nam Trung Yên		7.50	7.00	8.50	39.00	
9	025465	NGUYỄN TRIỆU	PHÁT	Nam	08/12/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		7.00	8.25	8.25	38.75	
10	025466	ĐÀO NGUYỄN	PHONG	Nam	11/09/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.00	9.25	9.25	41.75	
11	025467	HOÀNG HẢI	PHONG	Nam	17/09/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.50	10.0	9.25	43.50	
12	025468	LÊ HẢI	PHONG	Nam	04/04/2008	THPT Lý Thái Tổ		7.75	8.75	8.50	41.25	
13	025469	NGUYỄN KHẢI	PHONG	Nam	01/01/2008	THCS Giảng Võ		8.50	9.75	9.00	44.75	
14	025470	NGUYỄN NGỌC	PHONG	Nam	01/01/2008	THCS Trung Hòa		8.50	9.50	9.00	44.50	
15	025471	PHẠM NGỌC TUẤN	PHONG	Nam	08/04/2008	THCS và THPT Marie Curie		KT	KT	KT		
16	025472	BÙI TẠ THÁI	PHÚ	Nam	20/06/2008	THCS Dịch Vọng		6.50	9.50	8.75	40.00	
17	025473	NGUYỄN THẾ	PHÚ	Nam	01/10/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.00	9.75	8.00	39.75	
18	025474	PHẠM MINH	PHÚ	Nam	30/08/2008	THCS Yên Hòa		7.25	8.50	8.25	39.50	
19	025475	HOÀNG DUY	PHÚC	Nam	28/04/2008	THCS Yên Hòa		8.00	9.00	9.00	43.00	
20	025476	NGÔ ĐỨC	PHÚC	Nam	07/02/2008	THCS Yên Hòa		8.50	10.0	9.00	45.00	
21	025477	NGUYỄN GIA	PHÚC	Nam	31/12/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.00	9.50	9.00	43.50	
22	025478	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	Nam	11/12/2008	THCS Mai Dịch	0.5	7.75	9.50	8.50	42.50	
23	025479	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	Nam	18/03/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.75	9.75	9.00	43.25	
24	025480	NGUYỄN TUẤN	PHÚC	Nam	20/09/2008	TH và THCS FPT Cầu Giấy		6.50	9.50	9.00	40.50	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIAM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trần Thế Cường

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH 10 THPT

Khóa thi ngày: 10/6/2023

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

BẢNG GHI ĐIỂM

Phòng: 21

Từ SBD: 025481

Đến SBD: 025504

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025481	BÙI TUỆ	PHƯƠNG	Nữ	27/12/2008	THCS Nam Từ Liêm		8.00	9.75	9.25	44.25	
2	025482	ĐỖ KHÁNH	PHƯƠNG	Nữ	31/12/2008	THCS Láng Thượng		8.00	8.50	9.00	42.50	
3	025483	HOÀNG MAI	PHƯƠNG	Nữ	18/07/2008	THCS-THPT Newton		8.00	7.00	8.25	39.50	
4	025484	LÊ HÀ	PHƯƠNG	Nữ	31/01/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.75	8.25	9.00	41.75	
5	025485	LÊ MAI	PHƯƠNG	Nữ	04/12/2008	THCS Nam Trung Yên		8.25	9.75	9.25	44.75	
6	025486	LÊ QUỲNH	PHƯƠNG	Nữ	14/08/2008	THCS Nghĩa Tân		8.50	10.0	9.00	45.00	
7	025487	NGÔ THỊ LINH	PHƯƠNG	Nữ	09/03/2008	THCS Nghĩa Tân		8.25	9.75	8.50	43.25	
8	025488	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	Nữ	21/11/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.50	9.50	8.50	43.50	
9	025489	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	Nữ	18/06/2008	THCS Mai Dịch		8.00	9.75	9.00	43.75	
10	025490	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	Nữ	01/02/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		8.50	9.75	9.00	44.75	
11	025491	NGUYỄN NGỌC THU	PHƯƠNG	Nữ	04/08/2008	THCS Nghĩa Tân		8.25	9.00	8.50	42.50	
12	025492	NGUYỄN PHẠM HÀ	PHƯƠNG	Nữ	28/01/2008	THCS-THPT Newton		7.25	9.75	9.00	42.25	
13	025493	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	Nữ	25/01/2008	THCS Trung Hòa		8.50	9.50	9.00	44.50	
14	025494	NGUYỄN THẢO	PHƯƠNG	Nữ	29/05/2008	THCS Thăng Long		8.50	10.0	9.25	45.50	
15	025495	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯƠNG	Nữ	23/05/2008	THCS Giảng Võ		8.25	9.75	9.00	44.25	
16	025496	NGUYỄN VŨ HÀ	PHƯƠNG	Nữ	24/10/2008	TH, THCS và THPT Vinschool		8.00	8.25	6.50	37.25	
17	025497	PHẠM ANH	PHƯƠNG	Nữ	27/05/2008	TH và THCS FPT Cầu Giấy		8.75	9.50	9.00	45.00	
18	025498	PHẠM NGỌC LAN	PHƯƠNG	Nữ	24/02/2008	THCS Yên Hòa		8.25	9.00	9.00	43.50	
19	025499	VŨ MINH	PHƯƠNG	Nữ	23/10/2008	THCS và THPT Marie Curie		8.25	9.25	8.50	42.75	
20	025500	BÙI GIA	QUANG	Nam	24/06/2008	THCS Nam Trung Yên		8.50	10.0	8.75	44.50	
21	025501	NGUYỄN CÔNG	QUANG	Nam	20/03/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		8.50	10.0	9.00	45.00	
22	025502	PHẠM TUẤN	QUANG	Nam	12/09/2008	THCS và THPT Nguyễn Siêu		6.75	8.75	8.25	38.75	
23	025503	ĐINH THẾ	QUÂN	Nam	18/12/2008	THCS Yên Hòa		8.00	10.0	9.00	44.00	
24	025504	BÙI DIỆU	QUỲNH	Nữ	08/01/2008	THCS Giảng Võ		8.00	9.00	9.00	43.00	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Trần Thế Cường

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025505	ĐỖ VŨ THẢO	QUỲNH	Nữ	25/01/2008	THCS-THPT Newton		7.50	9.75	7.25	39.25	
2	025506	LÊ THU	QUỲNH	Nữ	15/01/2008	THCS Dịch Vọng		7.50	9.75	8.50	41.75	
3	025507	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	Nữ	10/10/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		7.25	8.75	9.00	41.25	
4	025508	LÊ VŨ HẢI	SƠN	Nam	15/12/2008	THCS-THPT Newton		8.00	8.75	9.50	43.75	
5	025509	NGAC THÁI	SƠN	Nam	22/07/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.25	9.75	8.25	40.75	
6	025510	NGUYỄN	SƠN	Nam	17/02/2008	THCS và THPT Marie Curie		7.75	8.75	9.00	42.25	
7	025511	NGUYỄN HOÀNG HẢI	SƠN	Nam	15/11/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		6.50	8.00	8.25	37.50	
8	025512	NGUYỄN THÁI	SƠN	Nam	21/03/2008	THCS Chu Văn An		7.50	9.00	9.50	43.00	
9	025513	NGUYỄN VŨ HẢI	SƠN	Nam	17/01/2008	THCS và THPT Marie Curie		KT	KT	KT		
10	025514	PHẠM ĐÌNH THÁI	SƠN	Nam	08/10/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.25	9.00	9.00	41.50	
11	025515	TRẦN NAM	SƠN	Nam	25/08/2008	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD		6.50	8.75	9.25	40.25	
12	025516	NGUYỄN THỊ MỸ	THANH	Nữ	18/09/2008	THCS Mỹ Đình 1		8.50	10.0	9.00	45.00	
13	025517	PHẠM ĐOÀN THÁI	THANH	Nữ	01/06/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.50	9.25	8.75	41.75	
14	025518	NGUYỄN QUANG	THÁI	Nam	17/08/2008	THCS Yên Hòa		7.50	4.75	6.25	32.25	
15	025519	PHẠM MINH	THÁI	Nam	02/10/2008	THCS Mai Dịch		8.00	9.50	8.50	42.50	
16	025520	TRẦN DUY	THÁI	Nam	22/10/2008	THCS Dịch Vọng Hậu	0.5	7.17	8.75	8.00	39.59	
17	025521	GIANG MINH	THÀNH	Nam	14/11/2008	THCS Yên Hòa		7.50	10.0	8.25	41.50	
18	025522	LƯU QUANG	THÀNH	Nam	20/02/2008	THCS Mỹ Đình 1		7.25	8.75	8.50	40.25	
19	025523	NGUYỄN PHŨ	THÀNH	Nam	28/04/2008	THPT Lý Thái Tổ		5.50	9.25	9.00	38.25	
20	025524	TRẦN TRUNG	THÀNH	Nam	05/06/2008	THCS Nam Trung Yên		7.00	9.50	9.00	41.50	
21	025525	HOÀNG PHẠM PHƯƠNG	THẢO	Nữ	04/11/2008	TH, THCS và THPT Đa Trí Tuệ		7.50	8.50	9.00	41.50	
22	025526	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	Nữ	20/12/2008	THCS Hà Nội Academy		6.00	9.75	8.25	38.25	
23	025527	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	Nữ	08/03/2008	THCS Mỹ Đình 2		8.00	9.00	9.25	43.50	
24	025528	VŨ HÀ	THẢO	Nữ	01/12/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.75	10.0	8.75	43.00	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trần Thế Cường

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH 10 THPT

Khóa thi ngày: 10/6/2023

BẢNG GHI ĐIỂM

Phòng: 23

Từ SBD: 025529

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Đến SBD: 025552

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025529	DƯƠNG KHÁNH	THI	Nữ	28/11/2008	THCS Cầu Diễn		7.50	9.25	9.00	42.25	
2	025530	ĐẶNG QUỐC	THỊNH	Nam	30/06/2008	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội		7.75	9.50	8.50	42.00	
3	025531	ĐỖ ĐỨC	THỊNH	Nam	10/02/2008	THCS Yên Hòa		7.00	9.75	9.00	41.75	
4	025532	VŨ MINH	THỊNH	Nam	27/06/2008	THCS Giảng Võ		7.75	9.25	9.00	42.75	
5	025533	NGUYỄN LÊ ANH	THƠ	Nữ	17/10/2008	THCS Cát Linh		7.75	7.25	8.25	39.25	
6	025534	TRẦN KIM	THU	Nữ	12/10/2008	THCS Yên Hòa		7.50	9.50	9.00	42.50	
7	025535	NGUYỄN PHƯƠNG	THỦY	Nữ	21/10/2008	THCS Yên Hòa		8.00	9.50	9.00	43.50	
8	025536	NGUYỄN THU	THỦY	Nữ	28/03/2008	THCS Giảng Võ		8.75	9.25	9.00	44.75	
9	025537	NGÔ ANH	THƯ	Nữ	02/04/2008	THCS Yên Hòa		8.00	8.50	9.00	42.50	
10	025538	NGUYỄN VŨ ANH	THƯ	Nữ	12/12/2008	THCS Nguyễn Trường Tộ		8.25	9.75	9.00	44.25	
11	025539	PHẠM ANH	THƯ	Nữ	24/03/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.25	10.0	9.00	44.50	
12	025540	TRẦN ANH	THƯ	Nữ	25/05/2008	THCS Yên Hòa		7.25	8.50	8.50	40.00	
13	025541	VŨ ANH	THƯ	Nữ	04/05/2008	THCS Mai Dịch		8.50	8.75	8.50	42.75	
14	025542	NGUYỄN PHÙ	TOÀN	Nam	07/11/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		KT	KT	KT		
15	025543	ĐẶNG TRẦN MAI	TRANG	Nữ	29/09/2008	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy		8.00	9.00	8.75	42.50	
16	025544	ĐỖ HÀ	TRANG	Nữ	24/09/2008	THCS Nghĩa Tân		8.50	8.75	9.00	43.75	
17	025545	LÊ HÀ	TRANG	Nữ	18/12/2008	THCS Lê Quý Đôn		8.50	9.50	8.50	43.50	
18	025546	NGÔ PHƯƠNG	TRANG	Nữ	03/03/2008	THCS và THPT Lê Quý Đôn		8.00	10.0	8.50	43.00	
19	025547	NGÔ THỊ MAI	TRANG	Nữ	08/07/2008	THCS Thăng Long		7.00	8.75	9.25	41.25	
20	025548	NGUYỄN HOÀI THU	TRANG	Nữ	13/10/2008	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngôi Sao Hà Nội		8.25	10.0	9.00	44.50	
21	025549	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	Nữ	28/01/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		7.25	8.75	8.75	40.75	
22	025550	NGUYỄN LÊ	TRANG	Nữ	25/08/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.25	9.75	8.75	41.75	
23	025551	NGUYỄN MAI	TRANG	Nữ	13/02/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		8.50	6.50	8.50	40.50	
24	025552	NGUYỄN MAI QUỲNH	TRANG	Nữ	22/08/2008	THCS Yên Hòa		8.00	9.75	8.75	43.25	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trần Thế Cường

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐUỠ	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025553	NGUYỄN MINH	TRANG	Nữ	26/11/2008	THCS Dịch Vọng		8.50	9.25	9.00	44.25	
2	025554	NGUYỄN NGỌC	TRANG	Nữ	24/08/2008	THCS Mỹ Đình 1		8.50	9.75	9.50	45.75	
3	025555	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	TRANG	Nữ	23/08/2008	THCS Trương Công Giai		8.50	9.75	9.00	44.75	
4	025556	NGUYỄN THÙY	TRANG	Nữ	28/12/2008	THCS Nghĩa Tân		8.75	10.0	9.00	45.50	
5	025557	PHẠM VIỆT THÙY	TRANG	Nữ	20/01/2008	THCS Nghĩa Tân		7.50	9.25	9.00	42.25	
6	025558	TRIỆU HÀ	TRANG	Nữ	23/01/2008	THCS Tây Mỗ		8.00	9.50	8.00	41.50	
7	025559	NGUYỄN MAI	TRÀ	Nữ	19/03/2008	THCS Phú Diễn		8.00	8.50	9.00	42.50	
8	025560	QUẢN THỊ THANH	TRÀ	Nữ	14/02/2008	THCS Yên Hòa		7.25	8.75	9.00	41.25	
9	025561	ĐÀO NGỌC BẢO	TRÂM	Nữ	11/01/2008	THCS Láng Thượng		7.75	9.75	8.75	42.75	
10	025562	LÊ VI	TRÂM	Nữ	09/02/2008	THCS Yên Hòa		8.00	9.75	8.50	42.75	
11	025563	NGÔ PHƯƠNG	TRÂM	Nữ	03/03/2008	THCS Mỹ Trì		7.75	9.75	8.75	42.75	
12	025564	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	Nữ	12/09/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		7.75	8.75	8.75	41.75	
13	025565	PHẠM HOÀNG BẢO	TRẦN	Nữ	04/11/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		8.00	8.00	8.00	40.00	
14	025566	PHẠM ANH	TRIẾT	Nam	18/08/2008	Liên cấp THCS, TH tư thực Ngõ Sào Hà Nội		7.75	9.75	8.00	41.25	
15	025567	BÙI ĐỨC	TRÍ	Nam	30/12/2008	THCS Yên Hòa		7.50	9.75	9.00	42.75	
16	025568	DƯƠNG MINH	TRÍ	Nam	30/06/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.00	9.50	8.50	42.50	
17	025569	LÊ HOÀNG MINH	TRÍ	Nam	26/12/2008	THCS Archimedes Academy		8.00	9.50	9.00	43.50	
18	025570	NGUYỄN MINH	TRÍ	Nam	29/02/2008	THCS Nghĩa Tân		8.00	9.25	9.00	43.25	
19	025571	VŨ ĐỨC	TRÍ	Nam	06/08/2008	THCS Nghĩa Tân		8.00	9.75	9.00	43.75	
20	025572	HOÀNG MINH	TRỌNG	Nam	30/07/2008	THCS Yên Hòa		8.25	8.75	8.50	42.25	
21	025573	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	Nam	30/01/2008	THCS Nghĩa Tân		7.50	9.25	8.50	41.25	
22	025574	TRẦN NGUYỄN KIẾN	TRUNG	Nam	18/07/2008	THCS Lê Quý Đôn		7.75	9.00	8.25	41.00	
23	025575	ĐINH ANH	TUẤN	Nam	02/07/2008	THCS Nguyễn Du		7.50	7.25	9.00	40.25	
24	025576	NGUYỄN	TUẤN	Nam	02/11/2008	THCS Yên Hòa		8.25	9.50	9.00	44.00	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trần Thế Cường

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH 10 THPT

Khóa thi ngày: 10/6/2023

BẢNG GHI ĐIỂM

Phòng: 25

Từ SBD: 025577

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Đến SBD: 025600

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025577	NGUYỄN VĂN QUỐC	TUẤN	Nam	02/12/2008	THCS Trung Hòa		7.75	9.25	9.25	43.25	
2	025578	KHÔNG MINH	TÚ	Nam	06/02/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.50	9.00	7.75	39.50	
3	025579	NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC	TÚ	Nữ	18/11/2008	THCS Linh Đàm		7.50	9.75	9.00	42.75	
4	025580	NINH CẨM	TÚ	Nữ	26/10/2008	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD		7.50	9.00	9.25	42.50	
5	025581	VŨ MINH	TÚ	Nữ	26/01/2008	THCS Trung Hòa		8.00	10.0	8.75	43.50	
6	025582	LÊ THANH	TÙNG	Nam	28/08/2008	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành		7.00	10.0	8.25	40.50	
7	025583	NGUYỄN HUY	TÙNG	Nam	12/03/2008	THCS Dịch Vọng		7.75	7.75	8.75	40.75	
8	025584	ĐÀM TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	04/05/2008	THCS Trung Hòa		8.00	9.25	9.00	43.25	
9	025585	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	18/07/2008	THCS Nam Trung Yên		7.75	9.50	9.00	43.00	
10	025586	NGUYỄN NGỌC TÚ	UYÊN	Nữ	02/07/2008	THCS Yên Hòa		8.00	9.50	9.00	43.50	
11	025587	NGUYỄN TRẦN BẢO	UYÊN	Nữ	29/07/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		7.00	9.50	9.25	42.00	
12	025588	HOÀNG HỒNG	VÂN	Nữ	10/01/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		7.50	9.25	9.00	42.25	
13	025589	LÊ HOÀNG THÙY	VÂN	Nữ	04/10/2008	THCS Trung Hòa		7.25	9.00	8.50	40.50	
14	025590	NGUYỄN MINH	VÂN	Nữ	11/04/2008	THCS và THPT Dewey		KT	KT	KT		
15	025591	TRẦN HỒNG	VÂN	Nữ	15/11/2008	THCS và THPT Marie Curie		KT	KT	KT		
16	025592	NGUYỄN TƯỜNG	VI	Nữ	02/05/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		7.75	9.75	9.00	43.25	
17	025593	LÊ MINH	VIỆT	Nam	13/02/2008	THPT Lý Thái Tổ		7.75	9.00	9.00	42.50	
18	025594	NGÔ QUỐC	VIỆT	Nam	02/01/2008	THCS Mỹ Trì		6.50	9.25	9.00	40.25	
19	025595	NGUYỄN NAM	VIỆT	Nam	23/09/2008	THCS Dịch Vọng		7.75	9.00	8.75	42.00	
20	025596	VÕ KIM HOÀNG	VIỆT	Nam	19/08/2008	THCS Mai Dịch		7.25	9.75	8.75	41.75	
21	025597	DƯƠNG QUANG	VINH	Nam	14/10/2008	THCS Dịch Vọng Hậu	0.5	7.75	9.00	9.00	43.00	
22	025598	CHU MINH	VŨ	Nam	07/02/2008	THCS Yên Hòa		7.75	9.75	9.00	43.25	
23	025599	ĐỖ KHOA	VŨ	Nam	12/09/2008	THCS và THPT Marie Curie		6.00	9.25	9.00	39.25	
24	025600	NGUYỄN LÂM	VŨ	Nam	19/01/2008	THCS Archimedes Academy		7.00	9.75	8.50	40.75	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG
Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh		GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
								Văn	Ngữ	Toán		
1	025601	NGUYỄN NHẬT	VŨ	Nam	03/05/2008	THCS Thành Công		8.50	9.25	9.00	44.25	
2	025602	NGUYỄN QUANG	VŨ	Nam	07/07/2008	THCS Láng Thượng		7.75	8.25	9.00	41.75	
3	025603	ĐỖ PHƯƠNG	VY	Nữ	22/08/2008	THCS và THPT M.V. Lô-Mô-Nô-Xốp		8.25	9.75	8.75	43.75	
4	025604	LÊ BẢO	VY	Nữ	15/10/2008	THCS Dịch Vọng		7.75	9.75	9.00	43.25	
5	025605	NGUYỄN BUI PHƯƠNG	VY	Nữ	12/10/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		8.25	8.50	8.50	42.00	
6	025606	NGUYỄN KHÁNH	VY	Nữ	29/10/2008	THCS Trung Hòa		8.00	8.75	8.25	41.25	
7	025607	NGUYỄN LÊ HÀ	VY	Nữ	20/08/2008	THCS Dịch Vọng		8.25	9.75	9.50	45.25	
8	025608	NGUYỄN LONG NGỌC	VY	Nữ	23/04/2008	THCS Láng Thượng		8.25	9.00	8.75	43.00	
9	025609	NGUYỄN THẢO	VY	Nữ	21/10/2008	THCS Yên Hòa		8.25	9.50	9.25	44.50	
10	025610	NGUYỄN TƯỜNG	VY	Nữ	03/07/2008	THCS và THPT Lương Thế Vinh		7.75	9.00	8.75	42.00	
11	025611	PHẠM BẢO	VY	Nữ	03/06/2008	THCS Thanh Xuân		8.00	9.50	8.25	42.00	
12	025612	PHẠM KHÁNH HÀ	VY	Nữ	29/11/2008	THCS Trung Hòa		7.75	9.00	8.00	40.50	
13	025613	PHẠM TƯỜNG	VY	Nữ	27/03/2008	THCS Mỹ Đình 2		6.50	9.25	8.75	39.75	
14	025614	NGUYỄN GIA THIÊN	VY	Nam	29/10/2008	THCS Dịch Vọng		7.75	9.00	9.00	42.50	
15	025615	NGUYỄN THỊ KIM	XUYẾN	Nữ	23/01/2008	THCS Phan Chu Trinh		8.00	9.25	9.00	43.25	
16	025616	TRẦN HẢI	YẾN	Nữ	07/11/2008	THCS Dịch Vọng Hậu		8.00	9.00	9.00	43.00	
17	025617	TRỊNH HẢI	YẾN	Nữ	30/08/2008	THCS Đoàn Thị Điểm		6.25	9.00	8.25	38.00	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG
Trần Thế Cương

BẢNG GHI ĐIỂM

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh	GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
							Văn	Ngữ	Toán		
1	025618	LAI THUY	LINH	Nữ	05/05/2008	THCS Lê Quý Đôn	8.75	10.0	8.25	44.00	

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN THẾ CƯƠNG
Trần Thế Cương

BẢNG GHI ĐIỂM

Điểm thi: THCS Yên Hòa-Cầu Giấy(025)

Số TT	SBD	Họ và tên học sinh	GT	Ngày sinh	HS CSGD	ĐU'T	Điểm các môn thi			Điểm XT	Ghi chú
							Văn	Ngữ	Toán		
1	025619	HOÀNG MAI PHƯƠNG	Nữ	02/06/2008	THCS Nghĩa Tân		7.00	8.25	9.00	40.25	

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Văn Bình

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trần Thế Cường